TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **156**/2023/HS-ST
Ngày 14 - 6- 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồi.**

2. Ông **Nguyễn Thanh Nhựt.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn L**, sinh năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 06/602 tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn T và bà Trương Thị H; nhân thân: ngày 02/3/2016, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 14/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2016; ngày 15/3/2018, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 25/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn từ ngày 10/11/2022. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: **Công ty H**.

Địa chỉ: 471/74 đường T1, Khu phố 1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà **Phan Thị U**; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: 69/8/24 đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để trả nợ, Đoàn L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn tìm kiếm trên mạng các công ty có nhu cầu gia công mặt hàng nội thất, trang trí nội thất và lắp ráp kính để tiếp cận, liên lạc nhận gia công sau đó tìm các công ty có khả năng sản xuất gia công trong các lĩnh vực này để đặt hàng, khi các công ty nhận gia công báo không thực hiện được tất cả các sản phẩm trong đơn hàng đã đặt thì Đoàn L nhận làm phần này với điều kiện phải thanh toán trước 30% giá trị hàng hóa. Sau khi nhận được tiền L không thực hiện giao kết mà chiếm đoạt tiền để trả nợ.

Khi tìm hiểu và biết được Công ty A, địa chỉ 134-136-138 đường P, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum có nhu cầu đặt gia công bàn ghế dùng vào việc bán cà phê, Đoàn L liên lạc với ông Dương Minh T là giám đốc đề nghị giới thiệu nơi gia công, phí giới thiệu là 02% trên tổng giá trị hàng hóa đặt gia công nên ông T đồng ý. Để thuận lợi cho việc gởi mẫu mã, chất lượng, số lượng đặt hàng, nhân viên của Công ty A lập nhóm zalo trong đó có Đoàn L là thành viên nhóm. Sau khi nhận được thông tin đặt hàng của công ty A, Đoàn L liên lạc với chị Trần Thụy Mỹ V là nhân viên của Công ty H, địa chỉ 471/74 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để đặt gia công (do trước đây Đoàn L có đặt công ty này gia công bàn ghế nên biết thông tin để liên lạc). Công ty H đồng ý nhận gia công bàn ghế theo giới thiệu của Đoàn L. Đoàn L chuyển nội dung yêu cầu của công ty A cho chị Trần Thụy Mỹ V.

Sau khi kiểm tra đơn hàng, Công ty H báo cho Đoàn L biết có một số mặt hàng công ty không làm kịp, gồm 08 ghế bar Thonet-G3, gỗ tự nhiên; 08 bàn B1, gỗ tự nhiên; 06 bàn B2, gỗ tự nhiên, chân gang đúc; 01 bàn B3, gỗ tự nhiên; 01 bàn B4, gỗ tự nhiên; 01 khung gỗ cây leo sân vườn; 01 kệ gỗ nội thất phong cách Indo (gỗ sơn); 02 khung bạt inox mạ vàng. Đoàn L nói với chị V là các mặt hàng Công ty H không làm thì Đoàn L sẽ liên hệ với các Công ty khác để gia công nhưng phải thanh toán trước 30% giá trị hàng hóa mà Đoàn L nhận. Do tin tưởng Đoàn L nên đại diện Công ty H đứng ra ký hợp đồng toàn bộ đơn hàng mà công ty A đặt, công ty H báo giá các mặt hàng do Công ty gia công, riêng sản phẩm do Đoàn L nhận thì Đoàn L báo giá cho chị V biết để tổng hợp báo cho Công ty A. Sau khi tổng hợp, giá trị tổng đơn hàng là 274.770.000 đồng. Chị V gửi bảng kê và số tài khoản của Công ty H cho Đoàn L, Đoàn L gửi cho Công ty A.

Ngày 28/10/2022, Công ty A chuyển cho Công ty H số tiền 82.431.000 đồng tương ứng với 30% giá trị hàng gia công. Đoàn L yêu cầu chị V chuyển vào số tài khoản 07006684922, ngân hàng Sacombank có tên chủ tài khoản là Nguyễn Văn M, sinh năm 1998 do Đoàn L cung cấp số tiền 48.111.000 tương ứng với 30% giá trị hàng hóa Đoàn L nhận làm. Sau khi nhận được số tiền này, Đoàn L nhờ M chuyển trả nợ cho những người Đoàn L đang nợ.

Đến ngày 03/11/2022, Công ty A chuyển tiếp số tiền 24.900.000 đồng cho công ty H để gia công thêm gỗ tại quầy bar, đây là sản phẩm Đoàn L tự ý nhận với công ty A mà không báo cho công ty H biết. Đoàn L yêu cầu chị V chuyển số tiền 24.900.000 đồng vào tài khoản 19036206340016, do Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 chủ tài khoản. Ngày 04/11/2022 Công ty H đã chuyển số tiền 24.900.000 đồng cho Đoàn L, Đoàn L tiếp tục trả nợ và tiêu xài hết.

Thời hạn giao hàng gia công là ngày 08/11/2022, đến ngày 07/11/2022, công ty A liên hệ với Đoàn L không được nên gọi điện cho công ty H. Chị V liên lạc với Đoàn L qua zalo, Đoàn L báo đang ở Côn Đảo nên không giải quyết việc giao hàng hóa. Chị V yêu cầu Đoàn L cung cấp địa chỉ nơi Đoàn L đặt gia công hàng hóa cho công ty A để liên hệ, Đoàn L chỉ đưa tài khoản zalo giả tên "Kitty" nhưng không có số điện thoại nên không liên lạc được. Chị V tiếp tục yêu cầu Đoàn L cung cấp địa chỉ, số điện thoại của nơi gia công nhưng Đoàn L không thực hiện. Sau đó công ty H không liên lạc được với Đoàn L.

Công ty H nhờ anh Trần Văn Anh V sử dụng zalo đăng thông tin tìm người thiết kế quán cà phê. Đoàn L liên hệ và hẹn gặp tại quán cà phê trên đường Lê Thị H, xã T để trao đổi. Ngày 09/11/2022 khi Đoàn L đến điểm hẹn thì bị nhân viên Công ty H đưa đến Công an xã T trình báo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đoàn L. Công an xã lập biên bản chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với Nguyễn Văn M, sinh năm 1998, có nơi thường trú tại ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho L mượn số tài khoản 070066849021 ngân hàng Sacombank là sinh viên thực tập tại Công ty của Đoàn L và Nguyễn Văn M, sinh năm 1990, thường trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam cho Đoàn L mượn số tài khoản 19036206340016 ngân hàng Techcombank là chủ khách sạn Nguyễn T tại phường P, thành phố T là nơi Đoàn L thường thuê ở và còn thiếu tiền, khi mượn tài khoản Đoàn L không nói dùng để giao dịch chuyển tiền phạm tội, lời khai của Đoàn L và 02 người liên quan phù hợp với nhau.

Về dân sự, bà Phan Thị U là giám đốc Công ty H đã bồi thường cho Công ty A số tiền do vi phạm hợp đồng, nên đại diện Công ty A không có yêu cầu gì khác. Bà Phan Thị U yêu cầu Đoàn L hoàn trả số tiền 73.011.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 130/CT-VKS-HS ngày 25/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đoàn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ quyền công tố tại phiên tòa xác định: Căn cứ vào lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa hôm nay của bị cáo cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đoàn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xử phạt bị cáo Đoàn L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn L khai nhận:

Qua tìm hiểu, biết được công ty TNHH A có nhu cầu đặt gia công bàn ghế dùng vào việc bán cà phê, Đoàn L liên lạc với Công ty H đặt gia công bàn ghế theo nhu cầu của công ty A. Sau khi kiểm tra đơn hàng, Công ty H báo có một số mặt hàng công ty không làm kịp, nên Đoàn L nói sẽ liên hệ với các Công ty khác để gia công nhưng phải thanh toán trước 30% giá trị hàng hóa mà Đoàn L nhận.

Do tin tưởng Đoàn L nên đại diện Công ty H đứng ra ký hợp đồng toàn bộ đơn hàng của công ty A, công ty H báo giá các mặt hàng do công ty gia công, riêng sản phẩm do Đoàn L nhận thì báo giá cho công ty H để tổng hợp báo giá cho Công ty A. Công ty H tổng hợp giá trị đơn hàng là 274.770.000 đồng cho Công ty A.

Ngày 28/10/2022, Công ty A chuyển cho Công ty H số tiền 82.431.000 đồng tương ứng với 30% giá trị hàng gia công. Công ty H chuyển số tiền 48.111.000 tương ứng với 30% giá trị hàng hóa cho Đoàn L nhận làm. Đến ngày 03/11/2022, Công ty A chuyển tiếp số tiền 24.900.000 đồng cho Công ty H để gia công thêm gỗ tại quầy bar, ngày 04/11/2022 Công ty H đã chuyển số tiền 24.900.000 đồng cho Đoàn L. Toàn bộ tiền đã nhận của Công ty H bị cáo đã trả nợ và tiêu xài hết. Bị cáo Đoàn L xác định đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty Công ty H số tiền 73.011.000 đồng đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

[3] Bà Phan Thị U - đại diện theo pháp luật của Công ty H xác định bị cáo Đoàn L nhiều lần gian dối chiếm đoạt số tiền 73.011.000 đồng của Công ty H đúng như lời khai trong quá trình điều tra và nội dung Cáo Trạng truy tố.

[4] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[5] Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh, vào ngày 28/10/2022 và ngày 04/11/2022, tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn bị cáo Đoàn L đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty H số tiền 73.011.000 đồng để tiêu xài và trả

nợ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 130/CT-VKS-HS ngày 25/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Đoàn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"

[7] Áp dụng điều luật viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, nay tiếp tục phạm tội; bị cáo phạm tội nhiều lần nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe của pháp luật và giáo dục phòng ngừa chung.

[8] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[9] Ý kiến đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Phan Thị U yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của Công ty H, bị cáo đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của bà Phan Thị U. Việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bị cáo Đoàn L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty H số tiền 73.011.000 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại hiệu Vivo V23, model V2116, số Imel 1: 867253058566578, số Imel 2: 867253058566560 bên trong có gắn thẻ sim có các ký tự lần lượt là "8984048000320997662-vietel" là phương tiện của bị cáo Đoàn L sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Đối với Nguyễn Văn M, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 cho Đoàn L mượn tài khoản nhận tiền, không biết và không tham gia với Đoàn L chiếm đoạt tài sản của Công ty H nên không có căn cứ xử lý hình sự. Đối với những người Đoàn L chuyển tiền để trả nợ, kết quả điều tra không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội của Đoàn L nên không có căn cứ xử lý.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: bị cáo **Đoàn L** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: bị cáo Đoàn L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 10/11/2022.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại hiệu Vivo V23, model V2116, số Imel 1: 867253058566578, số Imel 2: 867253058566560 bên trong có gắn thẻ sim có các ký tự lần lượt là "8984048000320997662-vietel" thu giữ của bị cáo Đoàn L.

Vật chứng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đang quản lý, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 106/QĐ-VKS-HS ngày 21/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Về dân sự: Buộc bị cáo Đoàn L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty H số tiền 73.011.000đ. (bảy mươi ba triệu, không trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường nêu trên, hàng tháng bị cáo Đoàn L

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Đoàn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo Đoàn L phải chịu 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân